

phụ lục III

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính (ha)																				
				Phường Ea Tam	Phường Khánh Xuân	Phường Tân An	Phường Tân Hòa	Phường Tân Lập	Phường Tân Lợi	Phường Tân Thành	Phường Tân Tiến	Phường Thành Công	Phường Thành Nhất	Phường Thăng Lợi	Phường Thống Nhất	Phường Tự An	Xã Cư ÊBur	Xã Ea Kao	Xã Ea Tu	Xã Hòa Khánh	Xã Hòa Phú	Xã Hòa Thắng	Xã Hòa Thuận	Xã Hòa Xuân
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(...)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	207.72	19.57	2.87	33.43	2.20	11.46	17.63	2.50	4.50	0.61	11.48	0.20		6.00	15.48	19.58	9.07	23.04	18.96	4.54	3.55	1.05
	<i>Trong đó:</i>																							
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	8.27			0.30	0.37	0.45										0.82	1.33	2.50	2.48			0.02
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC/PNN	8.27			0.30	0.37	0.45										0.82	1.33	2.50	2.48			0.02
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	33.49	3.70	0.30	2.32	0.60	2.00	3.63	0.70	2.16	0.12	1.13	0.10		1.60	3.55	1.27	0.87	6.37	1.73	0.51	0.53	0.30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	162.16	15.87	2.57	28.76	1.23	9.01	14.00	1.80	2.34	0.49	10.35	0.10		4.40	11.94	16.72	6.29	13.78	14.75	4.03	3.02	0.73
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	1.72			1.72																		
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/PNN																						
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	2.07			0.33												0.77	0.58	0.39				
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp																							
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	5.96			2.50	1.30			2.16														

Ghi chú:

- (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.